

Phụ lục I
HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH
CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo Thông tư số **38** /2026/TT-BGDĐT ngày **29** tháng **4** năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Điều kiện bảo đảm chất lượng		
	Nội dung	Yêu cầu	
1.	Điều kiện 1. Tổ chức bộ máy và quản trị	1.1.	Sứ mạng, mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển của trường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
		1.2.	Quy chế tổ chức và hoạt động được ban hành và thực hiện theo quy định.
		1.3.	Cơ cấu bộ máy được tổ chức và vận hành theo quy định, đáp ứng yêu cầu hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
		1.4.	Danh mục vị trí việc làm; quy định về công tác cán bộ, nhân sự được tổ chức thực hiện theo quy định.
2	Điều kiện 2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý	2.1.	Số lượng nhà giáo đáp ứng yêu cầu theo quy mô đào tạo.
		2.2.	Nhà giáo đạt chuẩn nghề nghiệp theo ngành, nghề, trình độ đào tạo.
		2.3.	Cán bộ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.
3.	Điều kiện 3. Chương trình, giáo trình đào tạo	3.1.	Đảm bảo đủ chương trình, giáo trình đào tạo cho các ngành, nghề, trình độ đào tạo theo quy định.
		3.2.	Chương trình, giáo trình đào tạo được xây dựng, thẩm định và ban hành, rà soát và cập nhật theo quy định.
4.	Điều kiện 4. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo	4.1.	Phòng học lý thuyết, phòng học thực hành và các khu vực phục vụ đào tạo khác bảo đảm yêu cầu chương trình đào tạo; quy mô và cơ cấu ngành, nghề đào tạo; các quy định an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ theo quy định.
		4.2.	Bảo đảm các công trình phụ trợ, bao gồm: khu hành chính quản trị, khu rèn luyện thể chất, khu

STT	Điều kiện bảo đảm chất lượng	
	Nội dung	Yêu cầu
		phục vụ học tập và khu sinh hoạt chung bảo đảm quy mô đào tạo.
		4.3. Thiết bị, dụng cụ, nguyên nhiên vật liệu phục vụ đào tạo đáp ứng yêu cầu tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo.
		4.4. Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được quản lý, sử dụng hiệu quả; thực hiện theo dõi, kiểm kê, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.
5.	Điều kiện 5. Nguồn lực tài chính	5.1. Có nguồn tài chính hợp pháp, ổn định, bảo đảm chi thường xuyên và hoạt động đào tạo theo quy định.
		5.2. Có quy chế quản lý tài chính và thực hiện kiểm tra, kiểm toán hoặc tự kiểm tra tài chính định kỳ theo quy định.
		5.3. Báo cáo tài chính được lập và công khai hằng năm theo quy định.
6.	Điều kiện 6. Hệ thống quản trị số và dữ liệu	6.1. Có hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, điều hành, tổ chức đào tạo; bảo đảm kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu theo quy định.
		6.2. Có cơ sở dữ liệu số đồng bộ, bao quát thông tin về các hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
		6.3. Dữ liệu được cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác; được quản lý, khai thác và sử dụng phục vụ công tác quản lý, điều hành và bảo đảm chất lượng đào tạo.
		6.4. Có quy định và biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; có phương án phòng ngừa, phát hiện và xử lý sự cố hệ thống và dữ liệu.

2. Dữ liệu để xác định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Việc xác định mức độ đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Phụ lục này được thực hiện trên cơ sở dữ liệu của toàn cơ sở giáo dục nghề nghiệp; đối với các yêu cầu liên quan đến tổ chức đào tạo thì áp dụng dữ liệu các chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.



Phụ lục II
HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH
CÁC CHỈ SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
(Kèm theo Thông tư số 38 /2026/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 4 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp		Yêu cầu
	Tên	Nội dung	
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Chỉ số 01	Tỷ lệ nhập học	≥ 50 %
2	Chỉ số 02	Tỷ lệ biến động quy mô đào tạo trong 02 năm	≥ - 30 %
3	Chỉ số 03	Tỷ lệ thời lượng giảng dạy do nhà giáo cơ hữu đảm nhiệm	≥ 60 %
4	Chỉ số 04	Tỷ lệ chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật	≥ 60 %
5	Chỉ số 05	Tỷ lệ chương trình đào tạo có sự tham gia của người sử dụng lao động trong quá trình đào tạo	≥ 70 %
6	Chỉ số 06	Tỷ lệ môn học, mô đun bảo đảm các điều kiện giảng dạy trực tuyến của từng chương trình đào tạo	≥ 20 %
7	Chỉ số 07	Tỷ lệ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn	≥ 60%
8	Chỉ số 08	Tỷ lệ người học đã tốt nghiệp có việc làm phù hợp	≥ 70%
9	Chỉ số 09	Tỷ lệ người học và người học đã tốt nghiệp hài lòng đối với chất lượng đào tạo	≥ 70%
10	Chỉ số 10	Tỷ lệ người sử dụng lao động hài lòng đối với khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học tốt nghiệp	≥ 70%

2. Hướng dẫn xác định các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Kết quả tính toán tỷ lệ phần trăm (%) của các chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Phụ lục này được làm tròn đến 02 (hai) chữ số thập phân.

a) Chỉ số 01: Tỷ lệ nhập học trên số chỉ tiêu công bố trong kế hoạch tuyển sinh hằng năm, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 01\ (\%) = \frac{T_{nh}}{T_{ts}} \times 100$$

Trong đó:

- T_{nh} : là số người học đã hoàn tất thủ tục nhập học trong năm báo cáo.

- T_{ts} : là tổng chỉ tiêu tuyển sinh công bố theo quy định trong năm báo cáo.
Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 01 khi $CS\ 01 \geq 50\%$.
Dữ liệu để xác định chỉ số là người học các chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

b) Chỉ số 02: Tỷ lệ biến động quy mô đào tạo của năm báo cáo so với quy mô đào tạo của 02 năm trước, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 02\ (\%) = \left(\frac{Q_n}{Q_{n-2}} - 1 \right) \times 100$$

Trong đó:

- Q_n : là quy mô đào tạo thực tế quy đổi của năm báo cáo (năm n).
- Q_{n-2} : là quy mô đào tạo thực tế quy đổi của năm cách năm báo cáo 02 năm (năm n-2).

Người học có thời gian học khác nhau trong năm được quy đổi về số người học có thời gian học là 10 tháng, theo đó mỗi người học được tính theo tỷ lệ giữa thời gian thực học trong năm và 10 tháng.

$$Q_n = \sum_{i=1}^k \left(N_i \times \frac{T_i}{10} \right)$$

Trong đó:

N_i : là số người học của khóa học thứ i trong năm báo cáo.

T_i : là số tháng thực học của khóa học thứ i trong năm báo cáo.

k: là số khóa học trong năm báo cáo.

Q_{n-2} được xác định tương tự Q_n .

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 02 khi $CS\ 02 \geq -30\%$.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học các chương trình đào tạo cấp văn bằng, không bao gồm: người học bỏ học; người học đã hết thời gian đào tạo theo quy định của chương trình đào tạo nhưng chưa tốt nghiệp.

c) Chỉ số 03: Tỷ lệ thời lượng giảng dạy do nhà giáo cơ hữu đảm nhiệm cho từng chương trình đào tạo, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 03_j\ (\%) = \frac{GC_j}{G_j} \times 100$$

Trong đó:

- GC_j : là số giờ chuẩn do nhà giáo cơ hữu giảng dạy của chương trình đào tạo (j).

- G_j : là tổng số giờ của chương trình đào tạo (j) theo quy định.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 03 khi $CS\ 03_j \geq 60\%$ cho tất cả chương trình đào tạo.

Dữ liệu để xác định chỉ số là nhà giáo cơ hữu giảng dạy từng chương trình đào tạo cấp văn bằng kết thúc trong năm báo cáo.

d) Chỉ số 04: Tỷ lệ chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật theo yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của khoa học, công nghệ và phản hồi của các bên liên quan, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 04\ (\%) = \frac{CT_{cn}}{CT} \times 100$$

Trong đó:

- CT_{cn} : là số chương trình đào tạo được rà soát, cập nhật theo yêu cầu của thị trường lao động, sự phát triển của khoa học, công nghệ và kết quả đánh giá phản hồi của các bên liên quan (người học, người học đã tốt nghiệp và người sử dụng lao động) trong năm báo cáo.

- CT : là số chương trình đào tạo trong năm báo cáo.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 04 khi $CS\ 04 \geq 60\%$.

Dữ liệu để xác định chỉ số là chương trình đào tạo cấp văn bằng cho tất cả các ngành, nghề trong năm báo cáo.

đ) Chỉ số 05: Tỷ lệ chương trình đào tạo có sự tham gia của người sử dụng lao động trong quá trình đào tạo, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 05\ (\%) = \frac{CT_{dn}}{CT_{kt}} \times 100$$

Trong đó:

- CT_{dn} : là số chương trình đào tạo kết thúc trong năm báo cáo có sự tham gia người sử dụng lao động cho hoạt động hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học hoặc nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.

- CT_{kt} : là tổng số chương trình đào tạo kết thúc trong năm báo cáo.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 05 khi $CS\ 05 \geq 70\%$.

Dữ liệu để xác định chỉ số là các chương trình đào tạo cấp văn bằng kết thúc trong năm báo cáo.

e) Chỉ số 06: Tỷ lệ môn học, mô đun bảo đảm các điều kiện giảng dạy trực tuyến của từng chương trình đào tạo, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 06_j\ (\%) = \frac{TT_j}{MH_j} \times 100$$

Trong đó:

- TT_j : là số môn học, mô đun bảo đảm các điều kiện giảng dạy trực tuyến (học liệu số, phần mềm tổ chức dạy học, quản lý học tập,... sẵn sàng đáp ứng yêu cầu dạy và học trực tuyến) của chương trình đào tạo (j).

- MH_j : là tổng số môn học, mô đun của chương trình đào tạo (j).

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 06 khi $CS\ 06_j \geq 20\%$ cho tất cả các chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

Dữ liệu để xác định chỉ số là môn học, mô đun của từng chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

g) Chỉ số 07: Tỷ lệ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 07\ (\%) = \frac{NH_{ht}}{NH_{tt}} \times 100$$

Trong đó:

- NH_{ht} : là số người học hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định được xác định trong chương trình đào tạo.

- NH_{tt} : là tổng số người học trúng tuyển nhập học đầu khóa.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 07 khi $CS\ 07 \geq 60\%$.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học các chương trình đào tạo cấp văn bằng kết thúc trong năm báo cáo.

h) Chỉ số 08. Tỷ lệ người học đã tốt nghiệp có việc làm phù hợp nhóm ngành, nghề đào tạo hoặc tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao trình độ, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 08\ (\%) = \frac{TN_{vl}}{TN_{ph}} \times 100$$

Trong đó:

- TN_{vl} : là số người học đã tốt nghiệp có việc làm phù hợp nhóm ngành, nghề đào tạo hoặc tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học nâng cao trình độ.

- TN_{ph} : là tổng số người học đã tốt nghiệp phản hồi khảo sát.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 08 khi $CS\ 08 \geq 70\%$.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học các chương trình đào tạo cấp văn bằng đã tốt nghiệp trong vòng 12 tháng, riêng đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe, thời gian này là 24 tháng tính đến thời điểm chốt dữ liệu.

Yêu cầu khảo sát: Khảo sát tối thiểu 50% số người học đã tốt nghiệp nêu trên. Tỷ lệ phản hồi đạt từ 70% số người học được khảo sát, bảo đảm cơ cấu người học theo ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo, khóa học.

i) Chỉ số 09: Tỷ lệ người học và người học đã tốt nghiệp hài lòng đối với chất lượng đào tạo, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 09\ (\%) = \frac{NH_{hl}}{NH_{ph}} \times 100$$

Trong đó:

- NH_{hl} : là số người học, người học đã tốt nghiệp phản hồi tích cực, đánh giá từ mức hài lòng trở lên đối với chất lượng chương trình đào tạo.

- NH_{ph} : là tổng số người học, người học đã tốt nghiệp phản hồi khảo sát.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 09 khi $CS\ 09 \geq 70\%$.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người học, người học đã tốt nghiệp các chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

Yêu cầu khảo sát: Khảo sát tối thiểu 50% số người học, 50% người học đã tốt nghiệp. Tỷ lệ phản hồi đạt từ 70% số người học, 70% người học đã tốt nghiệp được khảo sát, đảm bảo cơ cấu người học theo ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo, khóa học.

k) Chỉ số 10: Tỷ lệ người sử dụng lao động hài lòng đối với khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của người học đã tốt nghiệp, được xác định theo công thức sau:

$$CS\ 10\ (\%) = \frac{DN_{hl}}{DN_{tg}} \times 100$$

Trong đó:

- DN_{hl} : là số người sử dụng lao động phản hồi tích cực, đánh giá từ mức hài lòng trở lên đối với người học đã tốt nghiệp.

- DN_{tg} : là tổng số người sử dụng lao động tham gia khảo sát.

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp được xác định đáp ứng chỉ số 10 khi $CS\ 10 \geq 70\%$.

Dữ liệu để xác định chỉ số là người sử dụng lao động có sử dụng người học đã tốt nghiệp chương trình đào tạo cấp văn bằng trong năm báo cáo.

Yêu cầu khảo sát: Mỗi ngành, nghề đào tạo khảo sát tối thiểu 03 người sử dụng lao động có sử dụng người học đã tốt nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Việc lựa chọn người sử dụng lao động bảo đảm tính đa dạng, đại diện theo ngành, nghề đào tạo, quy mô và các loại hình hoạt động của người sử dụng lao động.

3. Biểu mẫu báo cáo mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Biểu mẫu báo cáo điều kiện bảo đảm chất lượng

STT	Điều kiện bảo đảm chất lượng	Minh chứng
(1)	(2)	(3)
I.	Các điều kiện bảo đảm chất lượng đáp ứng yêu cầu	
1		
2		
...		
II.	Các điều kiện bảo đảm chất lượng không đáp ứng yêu cầu	
1		
2		
...		

Ghi chú:

(1) Ghi số thứ tự.

(2) Ghi các yêu cầu của từng điều kiện bảo đảm chất lượng.

(3) Ghi danh mục minh chứng hoặc đường dẫn minh chứng cho từng yêu cầu các điều kiện bảo đảm chất lượng.

b) Biểu mẫu báo cáo các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp

STT	Chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp		Kết quả tự đánh giá	Yêu cầu	Minh chứng
	Tên	Nội dung			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I.	Các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt yêu cầu				
1					
2					
...					
II.	Các chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp không đạt yêu cầu				
1					
2					

STT	Chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp		Kết quả tự đánh giá	Yêu cầu	Minh chứng
	Tên	Nội dung			
...					

Ghi chú:

- (1) Ghi số thứ tự.
- (2) Ghi tên chỉ số.
- (3) Ghi nội dung chỉ số hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- (4) Ghi kết quả tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- (5) Ghi yêu cầu chỉ số theo quy định.
- (6) Ghi danh mục minh chứng hoặc đường dẫn minh chứng cho từng chỉ số hoạt động cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

c) Kết quả đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ kết quả tự đánh giá tại điểm a và điểm b mục 3 Phụ lục II Thông tư này, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự đánh giá mức độ đáp ứng chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư này như sau (*đánh dấu "X" vào 01 trong 02 ô tương ứng*):

Đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Khi cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của điều kiện bảo đảm chất lượng và đạt mức yêu cầu của tất cả các chỉ số hoạt động.

Không đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Khi cơ sở giáo dục nghề nghiệp có từ 01 yêu cầu của điều kiện bảo đảm chất lượng trở lên không đáp ứng hoặc có từ 01 chỉ số hoạt động trở lên không đạt mức yêu cầu.

